TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 414/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21-12-2022.
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thu Hồng**.

2. Ông **Trần Văn Nghiệm**.

- **Thư ký phiên tòa***:* ông Lương Huỳnh Phúc Tài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà**: Ông Nguyễn Văn Quí – kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 335/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp: "*Xin ly hôn, nuôi con*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08/12/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Châu Huỳnh Ngọc P, sinh năm 1995.

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh T.

-Bị đơn: Nguyễn Phương H, sinh năm 1994.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh T.

(Chị P có đơn xin vắng mặt, anh H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Châu Huỳnh Ngọc P trình bày**:

Chị và anh Nguyễn Phương H sống chung với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh T vào ngày 17/11/2014. Thời gian đầu sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, chị và anh H đã sống ly thân từ tháng 11/2021 cho đến nay. Nay tình cảm không còn, không thể hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Phương H.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Bảo H, sinh ngày 27/11/2014. Hiện nay con chung đang sống chung với chị nên chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Phương H vắng mặt, anh Hùng mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp

kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh H vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu xin ly hôn, nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về thủ tục tố tụng: Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây đã gửi các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của Pháp luật. Nguyên đơn chị Châu Huỳnh Ngọc P có đơn xin vắng mặt xét xử, bị đơn anh Nguyễn Phương H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị P, anh H.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Châu Huỳnh Ngọc P và anh Nguyễn Phương H sống chung với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh T vào ngày 17/11/2014. Thời gian đầu sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, chị P và anh H đã sống ly thân từ năm tháng 11/2021 cho đến nay. Anh H đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến, cho thấy anh H đã không có thiện chí để hàn gắn lại tình cảm với chị P. Nay chị P yêu cầu ly hôn với anh H là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4]. Về con chung: Đối với cháu Nguyễn Huỳnh Bảo H, sinh ngày 27/11/2014, hiện nay đang sống chung với chị P, theo nguyện vọng của con chung muốn sống chung với chị P nên việc chị P yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng: Do chị P không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Về tài sản chung: chị P không yêu cầu giải quyết.

[6]. Về nợ chung: Chị P khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Phượng phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự

năm 2015; Áp dụng: Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Châu Huỳnh Ngọc P.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Châu Huỳnh Ngọc P được ly hôn với anh Nguyễn Phương H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Huỳnh Bảo H, sinh ngày 27/11/2014 cho chị P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi.

Anh Nguyễn Phương H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí HNST: Chị Châu Huỳnh Ngọc P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị P đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số 0006481 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G được cấn trừ xem như chị P đã nộp xong án phí.

- Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

** Nơi nhận:*
- Đương sự;
- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện G;
- CCTHADS huyện G;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Thị Thanh Trinh